

Số: 113/KH-UBND

Quận 4, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**KẾ HOẠCH**  
**Tuyển dụng viên chức Quận 4 năm 2019.**

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bãi bỏ văn bản;

Căn cứ Công văn số 1492/SNV-CCVC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Sở Nội vụ về tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức;

Căn cứ vào biên chế được giao và nhu cầu tuyển dụng viên chức của các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Quận 4;

Ủy ban nhân dân quận xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức Quận 4 năm 2019, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

**1. Mục đích:**

Tuyển dụng viên chức nhằm bổ sung đủ về số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức cho các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân quận đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp do nhà nước quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị.



## **2. Yêu cầu:**

a) Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đã được duyệt.

b) Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

c) Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

d) Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật. Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

đ) Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký vào 01 vị trí việc làm, kết quả trúng tuyển được lấy theo thứ tự từ điểm cao trở xuống.

**II. SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU CẦN TUYỂN DỤNG:** có bản phụ lục kèm theo từng chỉ tiêu.

## **III. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:**

### **1. Hồ sơ dự tuyển:**

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu quy định).

b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có dán ảnh và đóng dấu giáp lai, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập toàn khóa (gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp) theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được các cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc nộp bản sao từ sổ gốc xuất trình kèm bản chính để đối chiếu. Trường hợp có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, đề nghị thí sinh cung cấp bản công chứng dịch sang tiếng Việt và được cấp có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

d) Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

đ) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực;

### **2. Lưu ý:**

- Quy đối đối với trình độ Ngoại ngữ:



- + Trình độ A tương đương A1 (bậc 1 Khung 6 bậc);
- + Trình độ B tương đương A2 (bậc 2 Khung 6 bậc);
- + Trình độ C tương đương B1 (bậc 3 Khung 6 bậc);
- Quy đổi đối với trình độ Tin học: chứng chỉ tin học A, B, C có giá trị tương đương với chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

### **3. Chế độ ưu tiên:**

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

## **IV. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT TUYỂN:**

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

### **1. Vòng 1**

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều này.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

### **2. Vòng 2**

a) Phỏng vấn hoặc thực hành để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định hình thức phỏng vấn hoặc thực hành tại vòng 2 này phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.



b) Điểm phỏng vấn hoặc thực hành được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút; thời gian thực hành do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn hoặc thực hành.

## **V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN:**

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn hoặc thực hành quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn hoặc thực hành quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn hoặc thực hành vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

3. Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

## **VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN:**

**1. Đối với các đơn vị sự nghiệp Y tế; sự nghiệp Văn hóa – thể dục thể thao và sự nghiệp khác.**

Thông báo và nhận hồ sơ xét tuyển dự kiến từ ngày 16/4/2019 đến ngày 08/5/2019 tại Ủy ban nhân dân Quận 4 (thông qua Phòng Nội vụ).

**2. Đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục:**

Thông báo và nhận hồ sơ xét tuyển dự kiến từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/7/2019 tại Ủy ban nhân dân Quận 4 (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo).

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 4:**

Thông báo công khai Kế hoạch xét tuyển trên các phương tiện thông tin đại chúng: trang thông tin điện tử của Quận 4 và niêm yết các nội dung: tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ tại Ủy ban nhân dân Quận 4.



## **2. Phòng Nội vụ:**

- Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị. Thống nhất các chỉ tiêu, cơ cấu chức danh nghề nghiệp cần tuyển.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức của các đơn vị sự nghiệp.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức; Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển; Ban kiểm tra sát hạch.
- Tổng hợp danh sách thí sinh đăng ký và đủ điều kiện xét tuyển; danh sách điểm xét tuyển; danh sách thí sinh trúng tuyển.
- Có trách nhiệm kiểm tra các đơn vị sự nghiệp được phân cấp tổ chức kiểm tra sát hạch.
- Chuẩn bị tốt các điều kiện để phục vụ cho công tác xét tuyển.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức của các đơn vị sự nghiệp và Quyết định tuyển dụng viên chức.
- Tổng hợp số lượng viên chức được tuyển dụng trong năm báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận và Sở Nội vụ theo quy định.

## **3. Các đơn vị sự nghiệp có chỉ tiêu xét tuyển viên chức:**

- Căn cứ số lượng vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số biên chế được giao đề xuất số lượng, chức danh xét tuyển.
- Phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng chỉ tiêu, tiêu chuẩn của từng chức danh; cử cán bộ tham gia thành viên Hội đồng xét tuyển viên chức và cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra, sát hạch.
- Tổ chức kiểm tra, sát hạch theo phân cấp.
- Báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch về Ủy ban nhân dân Quận 4 (thông qua Phòng Nội vụ).
- Thực hiện ký hợp đồng làm việc với người trúng tuyển.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Quận 4 (thông qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019 xem xét, giải quyết.

### **Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Quận ủy Quận 4;
- Thường trực UBND Quận 4;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- VP. HĐND-UBND quận;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- UBND 15 phường;



**CHỦ TỊCH**

**Trần Hoàng Quân**

**NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**(kèm theo Kế hoạch số **113** /KH-UBND ngày **09/4** /2019 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

| TT                     | Vị trí việc làm                                  | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                                                                                     |                                             |          | Ghi chú         |
|------------------------|--------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-----------------|
|                        |                                                  |                    | Chuyên môn          |                                                                                     | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học  |                 |
|                        |                                                  |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành                                                                   |                                             |          |                 |
| <u>1</u>               | <u>3</u>                                         | <u>4</u>           | <u>5</u>            | <u>6</u>                                                                            | <u>7</u>                                    | <u>8</u> | <u>9</u>        |
| I. Khối sự nghiệp khác |                                                  | 26                 |                     |                                                                                     |                                             |          |                 |
| 1. Trung tâm Văn hóa   |                                                  | 3                  |                     |                                                                                     |                                             |          |                 |
|                        | Nhân viên Kế toán                                | 1                  | TC                  | Trung cấp Kế toán trở lên                                                           | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Nhân viên nghiệp vụ văn hóa                      | 2                  | TC                  | Trung cấp chuyên ngành:<br>Quản lý văn hóa; Sân khấu - điện ảnh; Thanh Nhạc; Đồ họa | A2                                          | THCB     |                 |
| 2. Trung tâm Y tế      |                                                  | 19                 |                     |                                                                                     |                                             |          |                 |
|                        | Bác sỹ Trạm Y tế phường 16                       | 1                  | ĐH                  | Bác sỹ đa khoa                                                                      | A2                                          | THCB     | Ưu tiên có CCHN |
|                        | Bác sỹ Trạm Y tế phường 1, 2, 3, 4, 5, 8, 12, 13 | 8                  | ĐH                  | Bác sỹ đa khoa/Bác sỹ Y học dự phòng                                                | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Chuyên viên Phòng Tổ chức hành chính             | 1                  | ĐH                  | Cử nhân Luật                                                                        | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Nhân viên Phòng Truyền thông Giáo dục sức khỏe   | 1                  | ĐH                  | Cử nhân Y tế công cộng                                                              | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Nhân viên Khoa Y tế công cộng                    | 1                  | ĐH                  | Cử nhân Y tế công cộng                                                              | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Điều dưỡng Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản       | 1                  | ĐH                  | Cử nhân Điều dưỡng                                                                  | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Điều dưỡng Trạm Y tế phường 16                   | 1                  | ĐH                  | Cử nhân Điều dưỡng                                                                  | A2                                          | THCB     |                 |
|                        | Dược Trạm Y tế phường 4                          | 1                  | cao đẳng trở lên    | Dược sỹ                                                                             | A1                                          | THCB     |                 |
|                        | Hộ sinh Trạm Y tế phường 4, 12, 18               | 3                  | trung cấp trở lên   | Hộ sinh                                                                             | A1                                          | THCB     |                 |



| TT                                        | Vị trí việc làm                                        | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                                                                                                      |                                             |         | Ghi chú |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|---------|
|                                           |                                                        |                    | Chuyên môn          |                                                                                                      | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học |         |
|                                           |                                                        |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành                                                                                    |                                             |         |         |
| 1                                         | 3                                                      | 4                  | 5                   | 6                                                                                                    | 7                                           | 8       | 9       |
|                                           | Nhân viên công nghệ thông tin Phòng Tổ chức hành chính | 1                  | trung cấp trở lên   | Công nghệ thông tin                                                                                  | A1                                          | THCB    |         |
| 4. Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng     |                                                        | 2                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
|                                           | Chuyên viên Tổ nghiệp vụ - kỹ thuật                    | 2                  | ĐH                  | Kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư, Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ sư hoặc Cử nhân quản lý đất đai | A2                                          | THCB    |         |
| 5. Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình |                                                        | 2                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
|                                           | Nhân viên Hành chính - Tổng hợp                        | 1                  | ĐH                  | Cử nhân Luật                                                                                         | A2                                          | THCB    |         |
|                                           | Nhân viên quản lý dự án, giám sát công trình           | 1                  | ĐH                  | Kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư                                                                         | A2                                          | THCB    |         |
| II. Khối sự nghiệp giáo dục               |                                                        | 100                |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
| 1. Trường MN 2                            |                                                        | 2                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
|                                           | Giáo viên mầm non                                      | 2                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                                                                                              | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 2. Trường MN 3                            |                                                        | 4                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
|                                           | Giáo viên mầm non                                      | 4                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                                                                                              | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 3. Trường MN Nguyễn Tất Thành             |                                                        | 2                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
|                                           | Giáo viên mầm non                                      | 2                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                                                                                              | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 4. Trường MN 6                            |                                                        | 5                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |
|                                           | Giáo viên mầm non                                      | 4                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                                                                                              | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
|                                           | Nhân viên văn thư                                      | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ, Thư ký văn phòng                                                                    | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 5. Trường MN 8                            |                                                        | 2                  |                     |                                                                                                      |                                             |         |         |

| TT                         | Vị trí việc làm   | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                                   |                                             |         | Ghi chú |
|----------------------------|-------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|---------|---------|
|                            |                   |                    | Chuyên môn          |                                   | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học |         |
|                            |                   |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành                 |                                             |         |         |
| 1                          | 3                 | 4                  | 5                   | 6                                 | 7                                           | 8       | 9       |
|                            | Giáo viên mầm non | 1                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
|                            | Văn thư           | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ, Thư ký văn phòng | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 6. Trường MN 9             |                   | 3                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Giáo viên mầm non | 3                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 7. Trường MN 10            |                   | 1                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Nhân viên văn thư | 1                  | Trung cấp trở lên   | Hành chánh, văn thư lưu trữ       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 8. Trường MN 12            |                   | 3                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Giáo viên mầm non | 3                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 9. Trường MN Sao Mai 12    |                   | 2                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Giáo viên mầm non | 2                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 10. Trường MN Sao Mai 13   |                   | 4                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Giáo viên mầm non | 3                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
|                            | Nhân viên văn thư | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ, Thư ký văn phòng | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 11. Trường MN 14           |                   | 1                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Giáo viên mầm non | 1                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 12. Trường MN 15           |                   | 2                  |                     |                                   |                                             |         |         |
|                            | Giáo viên mầm non | 1                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
|                            | Nhân viên văn thư | 1                  | Trung cấp trở lên   | Hành chánh, văn thư lưu trữ       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |
| 13. Trường TH Nguyễn Huệ 1 |                   | 2                  |                     |                                   |                                             |         |         |



| TT                          | Vị trí việc làm         | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                                   |                                             |                  | Ghi chú                        |
|-----------------------------|-------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|------------------|--------------------------------|
|                             |                         |                    | Chuyên môn          |                                   | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học          |                                |
|                             |                         |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành                 |                                             |                  |                                |
| 1                           | 3                       | 4                  | 5                   | 6                                 | 7                                           | 8                | 9                              |
|                             | Giáo viên Tin học       | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Công nghệ thông tin               | Bậc 1 (A1)                                  | Cao đẳng trở lên |                                |
|                             | Giáo viên dạy Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |                                |
| 14. Trường TH Đoàn Thị Điểm |                         | 3                  |                     |                                   |                                             |                  |                                |
|                             | Giáo viên dạy nhiều môn | 1                  | Cao đẳng trở lên    | GD Tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
|                             | Giáo viên Tin học       | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Công nghệ thông tin               | Bậc 1 (A1)                                  | Cao đẳng trở lên | Ưu tiên có kinh nghiệm quản lý |
|                             | Nhân viên thư viện      | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
| 15. Trường TH Nguyễn Huệ 3  |                         | 3                  |                     |                                   |                                             |                  |                                |
|                             | Giáo viên dạy nhiều môn | 2                  | Cao đẳng trở lên    | GD Tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
|                             | Giáo viên dạy Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |                                |
| 16. Trường TH Đặng Trần Côn |                         | 3                  |                     |                                   |                                             |                  |                                |
|                             | Giáo viên tiểu học      | 1                  | Cao đẳng trở lên    | GD tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
|                             | Nhân viên văn thư       | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ, Thư ký văn phòng | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
|                             | Nhân viên thư viện      | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
| 17. Trường TH Lý Nhơn       |                         | 3                  |                     |                                   |                                             |                  |                                |
|                             | Giáo viên môn Mỹ thuật  | 1                  | Cao đẳng trở lên    | SP Mỹ thuật                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |
|                             | Giáo viên môn Âm nhạc   | 1                  | Cao đẳng trở lên    | SP Âm nhạc                        | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |                                |

| TT                             | Vị trí việc làm         | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                                   |                                             |                  | Ghi chú |   |
|--------------------------------|-------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|------------------|---------|---|
|                                |                         |                    | Chuyên môn          |                                   | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học          |         |   |
|                                |                         |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành                 |                                             |                  |         |   |
| 1                              | 2                       | 3                  | 4                   | 5                                 | 6                                           | 7                | 8       | 9 |
|                                | Giáo viên môn Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |         |   |
| 18. Trường TH Nguyễn Văn Trỗi  |                         | 3                  |                     |                                   |                                             |                  |         |   |
|                                | Giáo viên dạy nhiều môn | 3                  | Cao đẳng trở lên    | GD tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
| 19. Trường TH Bạch Đằng        |                         | 3                  |                     |                                   |                                             |                  |         |   |
|                                | Giáo viên dạy nhiều môn | 1                  | Cao đẳng trở lên    | GD tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
|                                | Giáo viên dạy Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |         |   |
|                                | Nhân viên văn thư       | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ, Thư ký văn phòng | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
| 20. Trường TH Bến Càng         |                         | 2                  |                     |                                   |                                             |                  |         |   |
|                                | Giáo viên dạy Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |         |   |
|                                | Nhân viên thư viện      | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
| 21. Trường TH Đồng Đa          |                         | 2                  |                     |                                   |                                             |                  |         |   |
|                                | Giáo viên dạy Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |         |   |
|                                | Nhân viên thư viện      | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
| 22. Trường TH Tăng Bạt Hổ B    |                         | 4                  |                     |                                   |                                             |                  |         |   |
|                                | Giáo viên dạy nhiều môn | 1                  | Cao đẳng trở lên    | GD tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
|                                | Giáo viên dạy Tin học   | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Công nghệ thông tin               | Bậc 1 (A1)                                  | Cao đẳng trở lên |         |   |
|                                | Giáo viên dạy Tiếng Anh | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                          | Cơ bản           |         |   |
|                                | Nhân viên thư viện      | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |   |
| 23. Trường TH Nguyễn Trường Tộ |                         | 2                  |                     |                                   |                                             |                  |         |   |



| TT                             | Vị trí việc làm             | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                                   |                                                            |                  | Ghi chú  |
|--------------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------|----------|
|                                |                             |                    | Chuyên môn          |                                   | Ngoại ngữ<br>Khung<br>tham<br>chiếu<br>chung<br>Châu<br>Âu | Tin học          |          |
|                                |                             |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành                 |                                                            |                  |          |
| <u>1</u>                       | <u>3</u>                    | <u>4</u>           | <u>5</u>            | <u>6</u>                          | <u>7</u>                                                   | <u>8</u>         | <u>9</u> |
|                                | Giáo viên dạy Tin học       | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Công nghệ thông tin               | Bậc 1 (A1)                                                 | Cao đẳng trở lên |          |
|                                | Nhân viên thư viện          | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
| 24. Trường TH Nguyễn Thái Bình |                             | 8                  |                     |                                   |                                                            |                  |          |
|                                | Giáo viên dạy nhiều môn     | 3                  | Cao đẳng trở lên    | GD tiểu học                       | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                | Giáo viên dạy Tiếng Anh     | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sư phạm Tiếng Anh                 | B2                                                         | Cơ bản           |          |
|                                | Giáo viên dạy Tin học       | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Công nghệ thông tin               | Bậc 1 (A1)                                                 | Cao đẳng trở lên |          |
|                                | Giáo viên dạy Mỹ thuật      | 1                  | Cao đẳng trở lên    | SP Mỹ thuật                       | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                | Thư viện - Thiết bị         | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị               | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                | Nhân viên văn thư           | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ, Thư ký văn phòng | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
| 25. Trường THCS Nguyễn Huệ     |                             | 4                  |                     |                                   |                                                            |                  |          |
|                                | Giáo viên THCS hạng II, III | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Toán                              | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                |                             | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Tiếng Anh                         | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                |                             | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Thể dục                           | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                |                             | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Nữ công, Kinh tế gia đình         | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
| 26. Trường THCS Chi Lăng       |                             | 3                  |                     |                                   |                                                            |                  |          |
|                                | Giáo viên THCS hạng II, III | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Toán                              | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                |                             | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Địa lý                            | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
|                                |                             | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Nữ công, Kinh tế gia đình         | Bậc 1 (A1)                                                 | Cơ bản           |          |
| 27. Trường THCS Vân Đồn        |                             | 3                  |                     |                                   |                                                            |                  |          |

| TT                            | Vị trí việc làm               | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                           |                                             |                  | Ghi chú |
|-------------------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------|---------------------------------------------|------------------|---------|
|                               |                               |                    | Chuyên môn          |                           | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học          |         |
|                               |                               |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành         |                                             |                  |         |
| 1                             | 3                             | 4                  | 5                   | 6                         | 7                                           | 8                | 9       |
|                               | Giáo viên THCS hạng II, III   | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sinh học                  | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Địa lý                    | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Nữ công, Kinh tế gia đình | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
| 28. Trường THCS Quang Trung   |                               | 3                  |                     |                           |                                             |                  |         |
|                               | Giáo viên THCS hạng II, III   | 2                  | Cao đẳng trở lên    | Sinh học                  | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               | Nhân viên văn thư             | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
| 29. Trường THCS Tăng Bạt Hổ A |                               | 4                  |                     |                           |                                             |                  |         |
|                               | Giáo viên THCS hạng II, III   | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Toán                      | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Ngữ văn                   | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Cao đẳng trở lên    | KT Nông nghiệp            | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               | Nhân viên Công nghệ thông tin | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Công nghệ thông tin       | Bậc 1 (A1)                                  | Cao đẳng trở lên |         |
| 30. Trường THCS Khánh Hội A   |                               | 4                  |                     |                           |                                             |                  |         |
|                               | Giáo viên THCS hạng II, III   | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Sinh học                  | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Mỹ thuật                  | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Cao đẳng trở lên    | Tin học                   | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               | Nhân viên văn thư             | 1                  | Trung cấp trở lên   | Văn thư lưu trữ           | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
| 31. Trường Chuyên Biệt 1/6    |                               | 10                 |                     |                           |                                             |                  |         |
|                               | Giáo viên                     | 6                  | Trung cấp trở lên   | Giáo dục đặc biệt         | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 1                  | Trung cấp trở lên   | Tâm lý GD                 | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |
|                               |                               | 2                  | Trung cấp trở lên   | Mầm non                   | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản           |         |



| TT | Vị trí việc làm    | Nhu cầu tuyển dụng | Yêu cầu về trình độ |                     |                                             |         | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------------|---------|---------|
|    |                    |                    | Chuyên môn          |                     | Ngoại ngữ<br>Khung tham chiếu chung Châu Âu | Tin học |         |
|    |                    |                    | Trình độ            | Nhóm chuyên ngành   |                                             |         |         |
| 1  | 3                  | 4                  | 5                   | 6                   | 7                                           | 8       | 9       |
|    | Nhân viên thư viện | 1                  | Trung cấp trở lên   | Thư viện - Thiết bị | Bậc 1 (A1)                                  | Cơ bản  |         |

**TỔNG CỘNG**

**126**